BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC THƯƠNG MẠI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

(DỰ KIẾN) DANH SÁCH HỌC BỔNG KHUYẾN KHÍCH HỌC TẬP
HỌC KÌ 2 NĂM HỌC 2025-2026 - KHÓA 59 KHOA KHÁCH SẠN - DU LỊCH

STT	Mã SV	Họ lót	Tên	LHC	Mã ngành	STC xét HB	ĐTB HK2 NH 25-26 thang 10	ĐTB HK2 NH 25-26 thang 4	ĐRL HK2 NH 25-26	MGHP	Loại HB
1	23D253013	Đỗ Nhật	Linh	K59BBK1	BBK	15	7.97	3.47	95		Khá
2	23D253028	Phạm Hải	Yến	K59BBK1	BBK	15	7.89	3.43	89		Khá
3	23D112053	Nguyễn Thị Thu	Hằng	K59BKN2	BKN	22	9.43	4.00	88		Giỏi
4	23D112052	Trương Thanh	Hải	K59BKN2	BKN	22	9.30	3.93	96		Xuất sắc
5	23D112048	Nguyễn Phương	Dung	K59BKN2	BKN	22	9.25	3.80	89		Giỏi
6	23D112054	Bùi Thị	Hiền	K59BKN2	BKN	22	9.24	3.80	80		Khá
7	23D112050	Nguyễn Bá	Đạt	K59BKN2	BKN	22	9.17	3.77	91		Khá
8	23D112036	Nguyễn Ngọc Linh	Thư	K59BKN1	BKN	22	9.12	3.68	82		Khá
9	23D112006	Lê Thị Linh	Chi	K59BKN1	BKN	22	9.08	3.73	85		Khá
10	23D110144	Nghiêm Thị Tuyết	Mai	K59BKS3	BKS	16	9.37	4.00	90		Xuất sắc
11	23D110109	Trần Thị Tú	Uyên	K59BKS2	BKS	16	9.17	4.00	92		Giỏi
12	23D110087	Nguyễn Khánh	Ly	K59BKS2	BKS	16	9.11	4.00	87		Giỏi
13	23D110141	Nguyễn Phương	Linh	K59BKS3	BKS	16	9.11	4.00	89		Giỏi
14	23D110161	Nguyễn Thùy	Trang	K59BKS3	BKS	16	9.08	3.94	89		Giỏi
15	23D110033	Nguyễn Phương	Linh	K59BKS1	BKS	16	8.93	4.00	83		Khá
16	23D110115	Phạm Ngọc Minh	Anh	K59BKS3	BKS	16	8.89	3.91	93		Khá
17	23D110043	Lê Thị	Oanh	K59BKS1	BKS	16	8.84	3.91	85		Khá
18	23D110083	Hoàng Thùy	Linh	K59BKS2	BKS	16	8.83	3.91	87		Khá
19	23D110092	Nguyễn Thị Ánh	Nguyệt	K59BKS2	BKS	16	8.74	3.91	95		Khá
20	23D110080	Trần Thị	Hường	K59BKS2	BKS	16	8.71	3.81	81		Khá
21	23D110058	Nguyễn Quỳnh	Anh	K59BKS2	BKS	22	8.70	3.70	88		Khá
22	23D110032	Nguyễn Diệu	Linh	K59BKS1	BKS	16	8.63	3.72	96		Khá
23	23D110016	Chu Thị Thanh	Hà	K59BKS1	BKS	16	8.60	3.81	94		Khá
24	23D250025	Trần Thị	Loan	K59BLH1	BLH	16	8.91	4.00	91		Giỏi
25	23D250035	Lê Hoài	Phương	K59BLH1	BLH	16	8.90	3.88	89		Khá
26	23D250050	Hồ Thị Hà	Vy	K59BLH1	BLH	16	8.84	3.94	82		Khá
27	23D250048	Nguyễn Thị	Trang	K59BLH1	BLH	16	8.77	3.81	81		Khá
28	23D250013	Lê Thị Thu	Hà	K59BLH1	BLH	16	8.65	3.75	93		Khá
29	23D252033	Hà Kiều	Oanh	K59BLN1	BLN	22	9.66	4.00	97		Xuất sắc
30	23D252030	Nguyễn Thị Thảo	Nhi	K59BLN1	BLN	22	9.49	3.95	89		Giỏi
31	23D252015	Nguyễn Quỳnh	Hương	K59BLN1	BLN	22	9.45	3.91	95		Giỏi
32	23D252040	Trịnh Thị Phương	Thảo	K59BLN1	BLN	22	9.42	3.89	96		Khá
33	23D252021	Nguyễn Hà Khánh	Ly	K59BLN1	BLN	22	9.40	3.82	96		Khá
34	23D252004	Vũ Vân	Anh	K59BLN1	BLN	22	9.38	3.89	87		Khá
35	23D252001	Lê Minh	Anh	K59BLN1	BLN	22	9.34	3.91	94		Khá
36	23D252074	Lương Thị Phương	Nhung	K59BLN2	BLN	22	9.33	3.89	90		Khá